
ĐIỀU KHOẢN & ĐIỀU KIỆN

Vé phát hành và sử dụng
thẻ tín dụng tại Techcombank



1. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.1 Định nghĩa: Các từ ngữ sử dụng trong Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này được hiểu như sau:

1.1.1 “Điều khoản, điều kiện”: được hiểu là Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại Techcombank (áp dụng cho khách hàng cá nhân).

1.1.2 “Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng”: bao gồm Đề nghị kiểm Hợp đồng về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tại Techcombank; Điều khoản, điều kiện và các văn bản sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ.

1.1.3 “Techcombank”: là Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, là tổ chức tín dụng thực hiện phát hành và thanh toán thẻ tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và TCTQT.

1.1.4 “Chủ thẻ”: là cá nhân được Techcombank cung cấp Thẻ để sử dụng theo Hạn mức tín dụng được cấp, có tên và chữ ký trên Thẻ. Chủ thẻ bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ (nếu có).

Chủ thẻ chính là cá nhân đứng tên thỏa thuận về việc sử dụng Thẻ với Techcombank và có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận này.

Chủ thẻ phụ là cá nhân được Chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ và Chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo Điều khoản, điều kiện này.

1.1.5 “Thẻ/Thẻ tín dụng”: trong phạm vi Điều khoản, điều kiện này được hiểu là tất cả các loại thẻ tín dụng do Techcombank phát hành.

1.1.6 “Thẻ tín dụng đồng thương hiệu”: là Thẻ đồng thời có thương hiệu của tổ chức chuyển mạch thẻ tại Việt Nam và thương hiệu của tổ chức thẻ quốc tế hoặc tổ chức chuyển mạch thẻ của quốc gia khác.

1.1.7 “Thẻ tín dụng liên kết”: là một loại thẻ tín dụng do Techcombank phát hành trên cơ sở thỏa thuận hợp tác giữa Techcombank và Đối tác trong từng thời kỳ.

1.1.8 “Thẻ tín dụng DreamCard”: là một loại thẻ tín dụng do Techcombank phát hành.

1.1.9 “Thẻ tín dụng được bảo hiểm”: là những loại thẻ tín dụng mà Chủ thẻ chính được Techcombank tặng một hợp đồng bảo hiểm theo sản phẩm của công ty bảo hiểm. Danh sách các loại thẻ tín dụng được bảo hiểm sẽ được Techcombank thông báo cụ thể tại phần nội dung của sản phẩm thẻ tín dụng đó trên website của Techcombank theo từng thời điểm.

1.1.10 “Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm”: là Chủ thẻ chính của các loại thẻ tín dụng được bảo hiểm và được Techcombank và Công ty bảo hiểm chấp nhận bảo hiểm.

1.1.11 “Tài khoản”: là tài khoản của Chủ thẻ do Techcombank mở và quản lý việc sử dụng Hạn mức tín dụng. Chủ thẻ phụ sử dụng chung một tài khoản với Chủ thẻ chính.

1.1.12 “Giao dịch thẻ”: là giao dịch trong đó Chủ thẻ sử dụng Thẻ để nạp, rút tiền mặt, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng các dịch vụ được phép khác do Techcombank hoặc các Tổ chức thanh toán thẻ khác cung ứng.

1.1.13 “Mã số xác định chủ thẻ” (PIN): là mã số mật cá nhân của Chủ thẻ và được sử dụng trong một số loại hình giao dịch thẻ để chứng thực Chủ thẻ. Mã số này do Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo mật. Trong giao dịch điện tử với Techcombank, mã số xác định chủ thẻ được coi là chữ ký điện tử của Chủ thẻ.

1.1.14 “Thời hạn hiệu lực thẻ”: là thời hạn Chủ thẻ được phép sử dụng Thẻ.

1.1.15 “Ngày hết hạn thẻ”: là ngày cuối cùng của tháng hết thời hạn hiệu lực thẻ được in trên Thẻ.

1.1.16 “Ngày chuyển nợ quá hạn”: là ngày liền kề sau ngày đến hạn thanh

toán mà Chủ thẻ chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu.

1.1.17 “Tổ chức Thẻ quốc tế”: là tổ chức được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài, có thỏa thuận với Techcombank và các bên liên quan khác để hợp tác phát hành và thanh toán thẻ có mã tổ chức phát hành thẻ do Tổ chức Thẻ quốc tế cấp phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết quốc tế.

1.1.18 “Hạn mức tín dụng”: là giá trị tín dụng tối đa mà Chủ thẻ được Techcombank cho phép sử dụng trong một Chu kỳ tín dụng.

1.1.19 “Chu kỳ tín dụng”: là khoảng thời gian kể từ khi Chủ thẻ bắt đầu sử dụng Hạn mức tín dụng cho đến khi Chủ thẻ hoàn trả lại toàn bộ dư nợ để khởi phục lại toàn bộ Hạn mức tín dụng.

1.1.20 “Kỳ sao kê”: là khoảng thời gian Techcombank lập Sao kê, được tính từ Ngày sao Ngày sao kê của kỳ liền trước tới hết Ngày sao kê của kỳ hiện tại.

1.1.21 “Sao kê”: là bảng kê liệt kê chi tiết các phát sinh trong Kỳ sao kê (các khoản thanh toán, rút tiền mặt cùng phí và lãi phát sinh, các khoản trả nợ), Dư nợ cuối kỳ, Mức trả nợ tối thiểu, Ngày đến hạn thanh toán và các thông tin khác. Sao kê được gửi cho Chủ thẻ hàng tháng sau Ngày sao kê để làm căn cứ trả nợ. Hình thức gửi sao kê cho Chủ thẻ cụ thể phụ thuộc đăng ký của Chủ thẻ và quy định từng thời kỳ của Techcombank.

1.1.22 “Ngày sao kê”: là ngày Techcombank lập Sao kê và do Techcombank quy định.

1.1.23 “Ngày đến hạn thanh toán”: là ngày cuối cùng mà Chủ thẻ phải thanh toán cho Techcombank các khoản chi tiêu cùng phí và lãi phát sinh trong Kỳ sao kê theo quy định của Techcombank.

1.1.24 “Mức trả nợ tối thiểu”: là khoản tiền tối thiểu Chủ thẻ phải thanh toán cho Techcombank trong mỗi Kỳ sao kê theo quy định của Techcombank.

1.1.25 “Dư nợ”: Là số tiền Chủ thẻ đang nợ Techcombank tại một thời điểm bất kỳ phát sinh từ việc phát hành và sử dụng Thẻ.

1.1.26 “Dư nợ cuối kỳ”: Là Số tiền Chủ thẻ đang nợ Techcombank tính đến hết Ngày sao kê.

1.1.27 “Tài sản bảo đảm”: là tiền ký quỹ, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của Techcombank, được Techcombank chấp nhận làm Tài sản bảo đảm cho việc sử dụng Hạn mức tín dụng của Chủ thẻ và không dùng để thanh toán ở các Kỳ sao kê.

1.1.28 “Công ty bảo hiểm”: là công ty cung cấp các sản phẩm bảo hiểm theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

1.1.29 “Sản phẩm bảo hiểm”: là sản phẩm do Công ty bảo hiểm cung cấp cho Techcombank theo các qui tắc bảo hiểm được Bộ tài chính phê duyệt và cấp phép, và được Techcombank mua để dành tặng cho Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm. Việc Techcombank mua sản phẩm bảo hiểm của Công ty bảo hiểm cụ thể nào để tặng cho Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm sẽ được Techcombank thông báo trên website chính thức của Techcombank vào từng thời điểm cụ thể.

1.1.30 “Ngày xử lý giao dịch của TCTQT”: là ngày mà Tổ chức Thẻ quốc tế thực hiện xử lý các giao dịch do các Đơn vị chấp nhận thẻ chuyển về hệ thống của Tổ chức Thẻ quốc tế.

1.1.31 “Yêu cầu qua tổng đài”: là các yêu cầu trợ giúp của Chủ thẻ chính thông qua Tổng đài theo đó Chủ thẻ chính có trách nhiệm trả lời đúng bộ câu hỏi xác thực Chủ thẻ theo quy định của Techcombank để được Tổng đài xử lý yêu cầu trợ giúp. Techcombank được quyền xử lý yêu cầu của cá nhân gọi lên Tổng đài nếu cá nhân đó trả lời đúng Mật khẩu giao dịch qua điện thoại theo quy định của Techcombank và Techcombank được miễn trách về việc xử lý yêu cầu này trong trường hợp Chủ thẻ để lộ mật khẩu giao dịch qua điện thoại của Chủ thẻ cho người thứ ba.

1.1.32 “Tổng đài”: Tổng đài Dịch vụ khách hàng 24/7 của Techcombank và bất kỳ số điện thoại phục vụ Khách hàng liên quan tới việc phát hành, sử dụng thẻ của Techcombank.

1.1.33 “Tài khoản đăng ký” là tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại Techcombank được Chủ thẻ sử dụng để đăng ký trích nợ tự động.

1.1.34 “Mật khẩu giao dịch qua điện thoại”: là bộ câu hỏi xác thực Chủ thẻ theo quy định của Techcombank trong trường hợp Chủ thẻ yêu cầu trợ giúp

qua Tổng đài.

1.1.35 “CVV2/CVC”: là mã số nhằm xác thực Chủ thẻ khi thực hiện các giao dịch thanh toán bằng Thẻ trên Internet.

1.1.36 “Đổi tác”: là đơn vị có thỏa thuận hợp tác với Techcombank để phát triển các sản phẩm thẻ tín dụng liên kết.

1.1.37 “Thanh toán thẻ qua Mã phân hồi nhanh” (Quick Response Code – viết tắt là QR Code): là việc Chủ thẻ sử dụng QR Code để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng Thẻ cho ĐVCNT, bao gồm hình thức QR Code từ phía ĐVCNT (Merchant-Presented QR Code) và hình thức QR Code từ phía Chủ thẻ (Consumer-Presented QR Code).

Các thuật ngữ trong Điều khoản, điều kiện này nếu không được giải thích tại đây sẽ tuân theo định nghĩa tại Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/06/2016 của Ngân hàng Nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 19/2016/TT-NHNN.

1.2 Các từ viết tắt:

1.2.1 “PIN”: Mã số xác định chủ thẻ (Personal Identification Number)

1.2.2 “ATM”: Máy giao dịch tự động” (Automated Teller Machine)

1.2.3 “ĐVCNT”: Đơn vị chấp nhận thẻ

1.2.4 “TCTQT”: Tổ chức thẻ quốc tế

1.2.5 “TCTTT”: Tổ chức thanh toán thẻ

1.2.6 “TSBD”: Tài sản bảo đảm

1.2.7 “HMTD”: Hạn mức tín dụng

2. THẺ CHÍNH VÀ THẺ PHỤ

2.1 Techcombank có quyền quy định số lượng thẻ phụ tối đa mà Chủ thẻ chính được phát hành tại từng thời điểm. Quy định này được Techcombank thông báo công khai trên website chính thức của Techcombank.

2.2 Nếu Chủ thẻ chính là người được tổ chức bảo lãnh sử dụng Thẻ, Chủ thẻ chính không được phép phát hành thẻ phụ nếu không được bên bảo lãnh chấp thuận.

2.3 Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ cùng sử dụng chung một HMTD mà Techcombank cấp cho Chủ thẻ chính và cùng chịu trách nhiệm thanh toán Dư nợ cho Techcombank khi được yêu cầu. Trong trường hợp Chủ thẻ chính không có khả năng thanh toán Dư nợ, (các) Chủ thẻ phụ phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ Dư nợ và ngược lại.

2.4 Giao dịch của Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ được thể hiện trên cùng một Sao kê và được gửi cho Chủ thẻ chính để thanh toán.

2.5 Chủ thẻ chính và (các) Chủ thẻ phụ cùng chịu trách nhiệm liên đới và mỗi người chịu trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này. Việc mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo Điều khoản, điều kiện này của Chủ thẻ chính vì bất kỳ lý do gì và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không làm giảm trừ nghĩa vụ liên đới của (các) Chủ thẻ phụ trong việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này. Trường hợp Chủ thẻ chính hoặc Chủ thẻ phụ mất khả năng thực hiện Điều khoản, điều kiện này thì (các) Chủ thẻ còn lại có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của tất cả các Chủ thẻ đối với Techcombank.

2.6 Trường hợp Chủ thẻ bị chết, mất tích, hoặc mất năng lực hành vi thì việc thực hiện Điều khoản, điều kiện này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.7 Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu Techcombank ngừng cung cấp dịch vụ Thẻ cho Chủ thẻ phụ bằng văn bản hoặc thông báo qua tổng đài Dịch vụ khách hàng 24/7 của Techcombank. Nếu việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ chính bị chấm dứt hoặc Điều khoản, điều kiện này bị chấm dứt thì việc sử dụng Thẻ phụ của Chủ thẻ phụ đương nhiên chấm dứt theo. Chủ thẻ phụ không có quyền yêu cầu chấm dứt việc sử dụng Thẻ chính cũng như bất cứ yêu cầu nào khác liên quan đến hiệu lực của bản Điều khoản, Điều kiện này.

2.8 (Các) Chủ thẻ đồng ý ủy quyền cho Chủ thẻ chính thay mặt (các) Chủ thẻ phụ thông báo cho Techcombank về việc mất Thẻ, phát hành lại thẻ tín dụng thay thế thẻ tín dụng hết hạn, nhận Thẻ, nhận PIN và kích hoạt Thẻ của Chủ thẻ phụ và các yêu cầu trợ giúp khác (nếu có).

3. PHẠM VI SỬ DỤNG THẺ

3.1 Thẻ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ, nạp, rút tiền mặt và sử dụng các dịch vụ được phép khác từ hệ thống ATM và hệ thống chấp

nhận thẻ của Techcombank và các Ngân hàng khác có hệ thống thẻ kết nối với hệ thống thẻ của Techcombank dưới hình thức kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số tổ chức bù trừ điện tử giao dịch thẻ.

3.2 Chủ thẻ cũng có thể sử dụng thông tin Thẻ và thông qua việc sử dụng các yếu tố xác thực Chủ thẻ như số PIN và/hoặc số CVV2/CVC để thực hiện giao dịch MOTO, giao dịch trên internet và các giao dịch khác theo đăng ký với Techcombank (việc đăng ký để sử dụng các giao dịch này tuân theo quy định của Techcombank từng thời kỳ):

a. Giao dịch MOTO (Mail Order/Phone Order) là giao dịch mà Chủ thẻ sử dụng thông tin Thẻ đặt mua hàng hóa, dịch vụ từ ĐVCNT qua điện thoại hoặc email hoặc các phương tiện truyền thông khác. Trong đó, Thẻ và/hoặc Chủ thẻ không phải hiện diện trực tiếp tại ĐVCNT.

b. Giao dịch thẻ trên internet: là giao dịch mà Chủ thẻ sử dụng thông tin Thẻ đặt mua hàng hóa, dịch vụ qua internet.

Chủ thẻ nhận thức đầy đủ rủi ro và chịu trách nhiệm khi thực hiện các giao dịch trên đây, đồng thời chịu trách nhiệm bảo mật các yếu tố xác thực Chủ thẻ.

4. CÁC LOẠI PHÍ PHÁT HÀNH, PHÍ SỬ DỤNG THẺ VÀ TỶ GIÁ

4.1 Phí phát hành Thẻ (trên cơ sở hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng mới): là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi đăng ký phát hành Thẻ trên cơ sở Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ và được Techcombank chấp nhận.

4.2 Phí thay đổi loại Thẻ/hạng Thẻ (giữ nguyên hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng đang có hiệu lực): là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Techcombank chấp nhận yêu cầu thay đổi loại Thẻ/hạng Thẻ của Chủ thẻ nhưng không thay đổi Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng Thẻ đang có hiệu lực.

4.3 Phí phát hành lại Thẻ (do mất cắp, thất lạc...): là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ phát hành lại Thẻ do mất cắp, thất lạc... và không thay đổi Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng Thẻ đang có hiệu lực.

4.4 Phí dịch vụ phát hành nhanh (địa bàn áp dụng sẽ do Techcombank quy định trong từng thời kỳ): là khoản phí Chủ thẻ phải trả (chưa bao gồm các phí phát hành liên quan) khi Chủ thẻ yêu cầu lấy Thẻ trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Chủ thẻ hoàn thành thủ tục phát hành và hồ sơ đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế của Chủ thẻ được Techcombank chấp nhận.

4.5 Phí thường niên (thu theo năm, căn cứ Thời hạn hiệu lực thẻ): là khoản phí Chủ thẻ phải trả hàng năm để duy trì việc sử dụng Thẻ.

4.6 Phí tra soát, khiếu nại: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi tranh chấp liên quan đến việc sử dụng Thẻ được đưa ra hội đồng hòa giải/ trọng tài của Tổ chức Thẻ quốc tế và hội đồng hòa giải/ trọng tài của Tổ chức Thẻ quốc tế xử/ phán quyết KH thua kiện.

4.7 Phí rút tiền mặt: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch rút tiền tại ATM hoặc tại ĐVCNT được phép cung cấp dịch vụ rút tiền. Khoản phí này được tính trên số tiền giao dịch và số phí do TCTTT thu (nếu có) theo quy định của TCTTT.

4.8 Phí giao dịch ngoại tệ (áp dụng cho các giao dịch khác VND): là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch bằng đồng ngoại tệ. Khoản phí này được tính trên số tiền giao dịch và số phí do TCTTT thu (nếu có) theo quy định của TCTTT.

4.9 Phí giao dịch nội tệ ở nước ngoài: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thực hiện các giao dịch bằng đồng nội tệ (VND) tại các đơn vị bán hàng có mã nước khác Việt Nam căn cứ trên thông tin mà ngân hàng thanh toán gửi về. Khoản phí này được tính trên số tiền giao dịch và số phí do TCTTT thu (nếu có) theo quy định của TCTTT.

4.10 Phí thông báo Thẻ mất cắp, thất lạc: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thông báo (bằng văn bản hoặc qua Tổng đài) về việc Thẻ bị mất cắp, thất lạc.

4.11 Phí cấp bản sao Sao kê theo yêu cầu: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu cấp thêm bản sao Sao kê bằng văn bản ngoài bản chính mà Techcombank đã gửi cho Chủ thẻ hàng tháng.

4.12 Phí cấp bản sao hoá đơn giao dịch: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu cấp bản sao hoá đơn giao dịch ngoài hoá đơn mà Chủ thẻ đã nhận tại ĐVCNT.

4.13 Phí xác nhận thông tin Thẻ tín dụng theo yêu cầu (Xác nhận hạn mức tín dụng, xác nhận thông tin giao dịch...): là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu Techcombank xác nhận bằng văn bản các thông tin liên quan đến Thẻ tín dụng, Giao dịch thẻ tín dụng.

4.14 Phí thay đổi Hạn mức tín dụng: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu tăng hoặc giảm Hạn mức tín dụng nhưng không thay đổi hạng Thẻ và được Techcombank chấp nhận.

4.15 Phí thay đổi hình thức bảo đảm phát hành Thẻ: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu thay đổi hình thức bảo đảm phát hành Thẻ từ hình thức có TSBĐ sang hình thức không có TSBĐ hoặc ngược lại và được Techcombank chấp nhận.

4.16 Phí thay đổi tài sản bảo đảm: Là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu thay đổi TSBĐ và được Techcombank chấp nhận.

4.17 Phí chậm thanh toán: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu trước Ngày đến hạn thanh toán. Khoản phí này được tính trên phần Mức trả nợ tối thiểu chưa được thanh toán.

4.18 Các loại phí khác (nếu có) theo quy định của Techcombank và được công bố công khai tại trụ sở của Techcombank và/hoặc trên website của Techcombank.

4.19 Tỷ giá quy đổi: tất cả các giao dịch được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá của TCTQT vào ngày xử lý giao dịch của TCTQT.

Mức phí được áp dụng theo Biểu phí do Techcombank ban hành trong từng thời kỳ, được công bố công khai tại trụ sở của Techcombank và/hoặc trên website của Techcombank.

Thời gian từ khi thông báo và cung cấp thông tin về những loại phí nêu trên đến khi áp dụng các thay đổi về phí tối thiểu là 07 ngày.

5. LÃI SUẤT CHO VAY VÀ CÁCH TÍNH LÃI

5.1. Lãi suất khoản tín dụng: Lãi suất cấp tín dụng đối với việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được Techcombank quy định trong từng thời kỳ và được công bố công khai tại trụ sở của Techcombank và/hoặc trên website của Techcombank. Lãi suất tính lãi được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm); một năm là 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

5.2. Cách tính lãi:

5.2.1. Đối với phần dư nợ phải trả lãi (theo quy định tại mục 5.3 dưới đây), tiền lãi được tính trên dư nợ thực tế của Chủ thẻ và thời gian phát sinh dư nợ thực tế (từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của Techcombank đến hết ngày liền kề trước ngày Chủ thẻ hoàn trả hết nợ). Tiền lãi được tính theo ngày, được cộng dồn và ghi nợ vào Ngày sao kê. Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời gian phát sinh dư nợ thực tế (thời hạn tính lãi).

5.2.3. Công thức tính lãi: Số tiền lãi của từng Kỳ sao kê được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Dư nợ thực tế} \times \text{Thời gian phát sinh dư nợ thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi})}{365}$$

5.3. Các quy định về miễn lãi/thu lãi đối với từng loại giao dịch:

Tùy từng loại thẻ tín dụng, Techcombank sẽ có những cơ chế miễn lãi/thu lãi khác nhau.

5.3.1. Với thẻ tín dụng DreamCard:

Techcombank sẽ thu lãi cho các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ và giao dịch rút tiền mặt ngay khi Chủ thẻ thực hiện giao dịch bằng thẻ tín dụng DreamCard.

5.3.2. Với các loại thẻ tín dụng khác:

5.3.2.1. Đối với giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ/giao dịch thu phí/giao dịch thu lãi:

a. Chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ thanh toán thành công toàn bộ Dư nợ cuối kỳ được thông báo trên Sao kê thì Techcombank sẽ miễn lãi cho toàn bộ giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ/Giao dịch thu phí/Giao dịch thu lãi phát sinh trong Kỳ sao kê của Chủ thẻ.

b. Chậm nhất vào ngày đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán

toàn bộ Dự nợ cuối kỳ, Techcombank sẽ tính lãi đối với toàn bộ dự nợ của các giao dịch thanh toán hàng hoá, dịch vụ/giao dịch thu phí/giao dịch thu lãi phát sinh trong Kỳ sao kê của Chủ thẻ theo nguyên tắc quy định tại mục 5.2 của Điều khoản, điều kiện này.

5.3.2.2. Đối với giao dịch rút tiền mặt:

Dự nợ của giao dịch rút tiền mặt sẽ bị tính lãi theo nguyên tắc quy định ở mục 5.2 của Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này.

5.3.3. Đối với các giao dịch có tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ:

Lãi và phí của các giao dịch tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ phát sinh và chưa được Techcombank hoàn trả trong Kỳ sao kê cũng được tính theo nguyên tắc được quy định tại mục 5.1, 5.2 và 5.3. Techcombank sẽ hoàn lại cho Chủ thẻ các khoản lãi/phí phát sinh đối với những giao dịch tra soát, khiếu nại đúng.

6. THANH TOÁN NỢ

6.1. Thứ tự thanh toán nợ: Dự nợ sẽ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên dưới đây và theo thứ tự thời gian giao dịch được cập nhật vào hệ thống: (1) Các khoản lãi và phí; (2) Các khoản giao dịch rút tiền mặt, chuyển khoản; (3) Các khoản giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

6.2. Thanh toán nợ:

6.2.1 Techcombank quy định Ngày sao kê đối với mỗi loại thẻ tín dụng cụ thể. Nếu Ngày sao kê trùng với ngày thứ 7, chủ nhật hoặc ngày lễ thì Ngày sao kê sẽ được chuyển lên trước đó 02 ngày làm việc.

6.2.2 Sau Ngày sao kê, Techcombank sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong Kỳ sao kê đã được cập nhật trên hệ thống của Techcombank. Các giao dịch ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá của TCTQT vào ngày xử lý giao dịch của TCTQT. Techcombank sẽ thu (các) phí phát sinh theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.

6.2.3 Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Techcombank tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên Sao kê, mức ít nhất bằng Mức trả nợ tối thiểu. Chủ thẻ phải gửi thắc mắc của mình liên quan đến các giao dịch trên Sao kê bằng văn bản cho Techcombank trong vòng 10 ngày kể từ ngày Ngân hàng gửi Sao kê. Nếu trong thời hạn đó, Techcombank không nhận được thông báo của Chủ thẻ thì coi như Chủ thẻ đồng ý thanh toán tất cả các giao dịch, phí và lãi phát sinh thể hiện trên Sao kê.

6.2.4 Việc thanh toán nợ của Chủ thẻ chỉ được tính là thành công khi hệ thống của Techcombank ghi nhận được giao dịch của Chủ Thẻ (Techcombank nhận được báo có với số tiền thực báo có). Số tiền thanh toán nhận được sau giờ làm việc của Techcombank sẽ được tính sang ngày làm việc kế tiếp. HMTD của Chủ thẻ sẽ được khôi phục bằng đúng số tiền Chủ thẻ đã thanh toán vào ngày làm việc tiếp theo.

6.2.5 Trường hợp Chủ thẻ đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do Techcombank quy định, Chủ thẻ ủy quyền cho Techcombank tự động ghi nợ, trích tiền từ Tài khoản thanh toán đã đăng ký của Chủ thẻ mở tại Techcombank để thanh toán giá trị dự nợ theo đăng ký trích nợ tự động của Chủ thẻ. Chủ thẻ phải đảm bảo Tài khoản đăng ký này luôn đủ số dư cần thiết để Techcombank ghi nợ và trích tiền trong khoảng thời gian từ ngày sau Ngày sao kê đến Ngày đến hạn thanh toán.

Techcombank được quyền trích nợ tự động toàn bộ giá trị dự nợ mà Chủ thẻ đã đăng ký từ Tài khoản đăng ký vào bất kỳ thời điểm nào trong suốt khoảng thời gian từ sau Ngày sao kê đến hết Ngày đến hạn thanh toán. Nếu trong khoảng thời gian này số dư trong Tài khoản đăng ký không đủ để Techcombank trích nợ giá trị dự nợ theo đăng ký của Chủ thẻ với Techcombank, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho Techcombank phần giá trị dự nợ còn thiếu và phải chịu các khoản phí, lãi phát sinh (nếu có).

6.2.6 Trường hợp thẻ tín dụng được cấp hạn mức theo diện cho KH cá nhân trả lương tại Techcombank, nếu KH có đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do Techcombank quy định và được nhận lương trước Ngày sao kê, Chủ thẻ đồng ý ủy quyền cho Techcombank tạm khóa một phần tài khoản thanh toán (tài khoản nhận lương) mà Chủ thẻ đăng ký trích nợ tự động số tiền bằng 150% Mức trả nợ tối thiểu của dự nợ tạm tính đến ngày thực hiện tạm khóa. Số tiền bị tạm khóa còn lại sau khi Techcombank thực hiện trích nợ sẽ được giải tỏa trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc sau Ngày sao kê tại

kỳ sao kê đó.

6.2.7. Trường hợp Chủ thẻ được phát hành thẻ tín dụng theo diện khách hàng cá nhân trả lương tại Techcombank và có đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do Techcombank quy định, Techcombank có quyền thay đổi tài khoản trích nợ của Chủ thẻ nếu phát hiện tài khoản đăng ký trích nợ không phải là tài khoản Chủ thẻ nhận được thu nhập định kỳ từ đơn vị trả lương cho Chủ thẻ.

7. CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN, ÁP LÃI SUẤT QUÁ HẠN VÀ THU HỒI NỢ

7.1. Chuyển nợ quá hạn

Sau 01 ngày kể từ Ngày đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu, toàn bộ dự nợ chưa thanh toán sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn.

7.2. Áp dụng lãi suất quá hạn

Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu của ba Kỳ sao kê liên tiếp thì Techcombank được quyền áp dụng lãi suất quá hạn trên toàn bộ tổng dự nợ chưa thanh toán của Thẻ tín dụng từ Kỳ sao kê thứ tư. Lãi suất quá hạn do Techcombank ban hành và được thay đổi theo từng thời kỳ, được công bố công khai tại trụ sở của Techcombank và/hoặc trên website của Techcombank.

7.3. Thu hồi nợ

7.3.1 Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu muộn nhất vào Ngày đến hạn thanh toán của Kỳ sao kê liền sau Kỳ sao kê chưa thanh toán, Techcombank được quyền xem xét việc khóa Thẻ tạm thời. Techcombank sẽ chấm dứt việc khóa Thẻ tạm thời khi Chủ thẻ thanh toán ít nhất Mức trả nợ tối thiểu chưa thanh toán.

7.3.2 Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Mức trả nợ tối thiểu muộn nhất vào Ngày đến hạn thanh toán của Kỳ sao kê thứ hai liền sau Kỳ sao kê chưa thanh toán, Techcombank được quyền khóa Thẻ vĩnh viễn, chấm dứt việc cung cấp dịch vụ Thẻ, thực hiện thu hồi Thẻ; tiến hành các thủ tục thu hồi nợ và xử lý TSBĐ.

7.3.3 Trong trường hợp dự nợ thẻ tín dụng bị chuyển sang nợ quá hạn, Chủ thẻ đồng ý cho Techcombank được quyền trích nợ/tất toán các tài khoản (bao gồm cả tài khoản thanh toán chung), các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Chủ thẻ tại Techcombank để thu nợ theo các phương thức mà Techcombank lựa chọn mà không cần thêm bất cứ chấp thuận nào từ phía Chủ thẻ. Trong trường hợp trích nợ/tất toán các khoản tiền gửi (sổ/thẻ tiết kiệm, Hợp đồng tiền gửi) của Chủ thẻ để thanh toán các khoản dự nợ, Techcombank được miễn trách nhiệm về việc chấm dứt trước hạn kỳ hạn gửi tiền của Chủ thẻ.

7.3.4 Chủ thẻ phải thanh toán chi phí phát sinh liên quan đến việc Techcombank thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ như phí luật sư, án phí, phí xử lý TSBĐ, chi phí đi lại, thông tin liên lạc, sao, chụp, công chứng, dịch thuật tài liệu, chuẩn bị tài liệu tố tụng, phí thi hành án mà không cần chứng từ chứng minh.

7.3.5 Khi hết Thời hạn hiệu lực thẻ, nếu Chủ thẻ chưa thanh toán hết toàn bộ dự nợ, Techcombank được quyền tiến hành các thủ tục thu hồi nợ, xử lý TSBĐ.

7.3.6 Chủ thẻ đồng ý cho Techcombank được quyền thu nợ từ các nguồn lương, thu nhập của Chủ thẻ hay từ cơ quan, đơn vị công tác hay bất cứ tài sản nào khác của Chủ thẻ hoặc TSBĐ của các khoản vay khác của Chủ thẻ tại Techcombank mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ. Việc xử lý tài sản để thu nợ sẽ được thực hiện theo quy định của Techcombank và quy định của pháp luật. Techcombank được quyền lập Ủy nhiệm thu yêu cầu các ngân hàng mở tài khoản cho Chủ thẻ trích tiền để thu hồi nợ gốc, lãi trong trường hợp các khoản nợ gốc, nợ lãi của Chủ thẻ bị chuyển sang Nợ quá hạn, Nợ lãi quá hạn.

7.3.7 Dự nợ chưa thanh toán của Chủ thẻ được hiểu bao gồm số tiền giao dịch gốc, tiền lãi và phí phát sinh liên quan.

8. CHẤM DỨT SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG

8.1 Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản giao dịch trước thời điểm Thẻ bị chấm dứt sử dụng và các khoản phát sinh (nếu có) chưa được cập nhật trên Tài khoản thẻ theo thông báo của Techcombank. Techcombank sẽ chỉ thực hiện giải chấp TSBĐ (nếu có) sau ít nhất là 40 ngày kể từ ngày yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ của Chủ thẻ có hiệu lực và Chủ thẻ đã thanh toán mọi nghĩa vụ được bảo đảm bằng TSBĐ với Techcombank.

8.2 Khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Techcombank, Chủ thẻ có trách nhiệm gửi trả lại Thẻ cho Techcombank đồng thời phải gửi thông báo bằng văn bản cho Techcombank hoặc gọi điện lên tổng đài của Techcombank thông báo việc khóa thẻ. Việc chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Techcombank có hiệu lực khi Chủ thẻ thanh toán toàn bộ Dư nợ; và các tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ (nếu có) đã được giải quyết xong.

8.3 Khi chấm dứt việc sử dụng Thẻ theo yêu cầu của Techcombank hay theo yêu cầu của Chủ thẻ thì toàn bộ Dư nợ sẽ đến hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh tới thời điểm đó. Nếu Chủ thẻ đã chấm dứt sử dụng Thẻ nhưng vẫn tiếp tục sử dụng Thẻ để giao dịch thì Chủ thẻ vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các giao dịch này và các khoản lãi, phí phát sinh theo quy định của Techcombank.

8.4 Techcombank được quyền chấm dứt việc cung cấp dịch vụ Thẻ và/hoặc chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với Chủ thẻ trong những trường hợp sau:

- a. Các trường hợp theo quy định tại mục 7.3.1 và 7.3.2 của Điều khoản, điều kiện này;
- b. Chủ thẻ đã chi tiêu vượt HMTD mà không được Techcombank cho phép;
- c. Chủ thẻ vi phạm các quy định về việc phát hành và sử dụng Thẻ của Techcombank, vi phạm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng hoặc vi phạm các quy định của pháp luật;
- d. Techcombank phát hiện tài liệu, thông tin do Chủ thẻ cung cấp là không chính xác, không trung thực, sai sự thật;
- e. Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi, phí và các chi phí khác phát sinh) với Techcombank và/hoặc với bất kỳ bên thứ ba nào khác;
- f. Chủ thẻ liên quan đến các vụ kiện, vụ án mà theo quan điểm của Techcombank thì có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng trả nợ của Chủ thẻ;
- g. Chủ thẻ bị bắt, khởi tố, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc để chấp hành bản án hình sự;
- h. Chủ thẻ chết, mất tích;
- i. Chủ thẻ ly hôn hoặc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân;
- j. Phần lớn tài sản của Chủ thẻ bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ;
- k. TSBD của Chủ thẻ bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị so với giá trị TSBD được định giá tại thời điểm cấp hạn mức theo định giá của Techcombank/bên thứ ba;
- l. Các trường hợp liên quan đến nghi việc, thay đổi thu nhập hoặc không đáp ứng điều kiện sử dụng Thẻ theo quy định của Techcombank;
- m. Các trường hợp liên quan đến giả mạo và quản lý rủi ro;
- n. Các trường hợp liên quan đến nghi việc, thay đổi thu nhập hoặc không đáp ứng điều kiện sử dụng Thẻ theo quy định của Techcombank;
- o. Các sự kiện khác mà theo đánh giá, xem xét của Techcombank là có khả năng ảnh hưởng tới khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Chủ thẻ;
- p. Đối với thẻ tín dụng liên kết, Techcombank có quyền chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thẻ khi Chủ thẻ chính thẻ tín dụng liên kết chấm dứt/bị chấm dứt tư cách Hội viên hoặc khi chương trình hợp tác giữa Techcombank và Đối tác chấm dứt/hết hiệu lực hoặc trong các trường hợp khác theo quy định tại thỏa thuận giữa Techcombank và Đối tác trong từng thời kỳ;
- q. Chủ thẻ có yêu cầu khóa Thẻ vĩnh viễn, đã tất toán hết dư nợ thẻ tín dụng và không có yêu cầu phát hành lại thẻ trong vòng 90 ngày kể từ ngày hủy Thẻ;
- r. Chủ thẻ không thực hiện kích hoạt Thẻ trong vòng 75 ngày kể từ ngày phát hành Thẻ;
- s. Các trường hợp khác theo quy định của Techcombank và pháp luật.

8.5 Đối với các Chủ thẻ đang có khoản vay khác có TSBD tại Techcombank:

- a. Khi Chủ thẻ tất toán khoản vay có TSBD trước khi Thẻ tín dụng hết hạn, Techcombank sẽ thực hiện khóa thẻ tín dụng của Chủ thẻ và Chủ thẻ phải thực hiện tất toán dư nợ thẻ tín dụng trước khi tất toán khoản vay có TSBD.
- b. Nếu khoản vay có TSBD của Chủ thẻ quá hạn từ 90 ngày trở lên, thẻ tín dụng của Chủ thẻ sẽ bị khóa vĩnh viễn và Chủ thẻ phải thực hiện tất toán dư nợ thẻ tín dụng

9.1.1. Quyền của Chủ thẻ

Chủ thẻ có các quyền sau:

- a. Được sử dụng Thẻ theo quy định tại mục 3 Điều khoản, điều kiện này trong phạm vi HMTD được cấp.
- b. Được quyền yêu cầu Techcombank cung cấp thông tin định kỳ hoặc được cung cấp thông tin đột xuất về Giao dịch thẻ và số dư, hạn mức liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của Techcombank.
- c. Chủ thẻ có quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại về các sai sót, vi phạm (nếu có) phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật.
- d. Các quyền khác theo quy định của Điều khoản, điều kiện này, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân và các quy định có liên quan của pháp luật.

9.1.2. Trách nhiệm của Chủ thẻ

Ngoài các trách nhiệm quy định tại các điều khoản khác của Điều khoản, điều kiện này, Chủ thẻ có các trách nhiệm sau:

- a. Cung cấp đầy đủ, chính xác các hồ sơ, giấy tờ và thông tin cần thiết theo yêu cầu của Techcombank khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ.
- b. Sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng theo đúng mục đích thanh toán hàng hoá, dịch vụ, rút tiền mặt hoặc thực hiện các giao dịch được phép khác. Chủ thẻ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng tiền theo hạn mức Thẻ tín dụng không đúng mục đích.
- c. Trực tiếp đến Techcombank nhận Thẻ/PIN hoặc đề nghị Techcombank gửi Thẻ/PIN bằng đường bưu điện đến địa chỉ Chủ thẻ đã đăng ký với Techcombank trên Đơn đề nghị hoặc đến địa chỉ Chủ thẻ yêu cầu (chỉ áp dụng với một số trường hợp đặc biệt theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ) hoặc ủy quyền cho người khác đến nhận Thẻ/PIN. Giấy ủy quyền được lập bằng văn bản trực tiếp tại Techcombank hoặc phải được công chứng, chứng thực. Trường hợp ủy quyền cho người khác nhận/kích hoạt Thẻ/PIN hoặc đăng ký nhận Thẻ/PIN qua đường bưu điện, Chủ thẻ phải chịu mọi rủi ro có thể phát sinh, trừ trường hợp do lỗi của Techcombank. Trường hợp mọi nhận Thẻ qua đường bưu điện hoặc ủy quyền cho người khác nhận Thẻ/PIN, Chủ thẻ phải gọi điện về Techcombank để xác nhận nhận Thẻ và đề nghị kích hoạt qua số Tổng đài do Techcombank cung cấp trong phong bì trả Thẻ hoặc gửi tin nhắn SMS đến tổng đài do Techcombank cung cấp hoặc Chủ thẻ trực tiếp đến Chi nhánh/Phòng giao dịch của Techcombank hoặc trực tiếp đăng ký qua F@st i-bank/F@stMobile để đề nghị kích hoạt Thẻ.
- d. Trong vòng 75 ngày kể từ ngày phát hành Thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm kích hoạt Thẻ. Sau thời hạn này, Thẻ không được kích hoạt sẽ bị hủy và Chủ thẻ phải chịu khoản phí phát hành và phí thường niên cho năm đầu tiên kể từ ngày phát hành Thẻ.
- e. Chủ thẻ chịu trách nhiệm gửi tin nhắn SMS/gọi điện tới Techcombank từ chính số điện thoại di động Chủ thẻ đã đăng ký với Techcombank để đề nghị kích hoạt Thẻ (theo cú pháp Techcombank quy định từng thời kỳ) nếu Chủ thẻ đăng ký kích hoạt Thẻ qua SMS/gọi điện. Chủ thẻ có trách nhiệm chịu mọi rủi ro có thể phát sinh.
- f. Chịu trách nhiệm quản lý Thẻ và bảo mật PIN. Chủ thẻ không được chuyển nhượng Thẻ hoặc đưa Thẻ cho người khác sử dụng, không được tiết lộ PIN cho bất kỳ ai.
- g. Ký chữ ký mẫu vào ô chữ ký ở mặt sau Thẻ ngay sau khi nhận Thẻ.
- h. Thông báo bằng hình thức nhanh nhất cho Techcombank khi Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng theo số điện thoại: (84-24) 39446699/(84-24) 39449626/1800588822/1800588823 v.v... hoặc số điện thoại đường dây nóng khác của Techcombank được đăng tải trên website của Techcombank tại từng thời điểm, hoặc bất kỳ CN/PGD của Techcombank gần nhất. Chủ thẻ phải xác nhận lại thông báo của mình bằng văn bản gửi cho Techcombank (nếu trước đó thông báo bằng các hình thức khác), đồng thời thanh toán các khoản phí theo quy định của Techcombank.
- i. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Techcombank các khoản nợ gốc, lãi và phí phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo Sao kê do Techcombank lập và gửi cho Chủ thẻ. Trong trường hợp Chủ thẻ có thực hiện Giao dịch thẻ nhưng không nhận được hoặc nhận được Sao kê chậm, Chủ thẻ vẫn có

9. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

9.1. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THẺ

trách nhiệm thanh toán các khoản nợ gốc, lãi và phí phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo quy định sau khi Techcombank đưa ra các bằng chứng về việc đã gửi Sao kê cho Chủ thẻ.

j. Hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho Techcombank theo yêu cầu của Techcombank đối với các khoản mà Chủ thẻ rút thừa, rút/thanh toán quá HMTD, giao dịch ghi có nhầm vào Tài khoản của Chủ thẻ, giao dịch tra soát khiếu nại tại ATM và ĐVCNT đã được tạm ứng cho Chủ thẻ và các giao dịch nhầm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. Chủ thẻ đồng ý để Techcombank tự động ghi nợ, tạm khóa và trích tiền trên các tài khoản thanh toán/tiền gửi của Chủ thẻ mở tại Techcombank để thu hồi các khoản tiền này mà không cần thông báo cho Chủ thẻ.

k. Không sử dụng lại Thẻ mà Chủ thẻ đã thông báo cho Techcombank là bị mất cắp, thất lạc.

l. Không được sử dụng Thẻ để trả cho cho những khoản thanh toán giao dịch cờ bạc trái phép hoặc các giao dịch bất hợp pháp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

m. Hoàn trả lại Thẻ cho Techcombank khi: tìm lại được Thẻ đã báo mất cắp, thất lạc trước đó; khi Thẻ hết hạn sử dụng; khi Chủ thẻ không có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ; và các trường hợp khác theo yêu cầu của Techcombank.

n. Công nhận các hoá đơn, chứng từ liên quan đến Giao dịch thẻ đã được hệ thống Techcombank ghi nhận và cung cấp. Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán đối với toàn bộ các giao dịch có chữ ký và/hoặc sử dụng PIN của Thẻ và các giao dịch khác nếu Techcombank cung cấp được bằng chứng về việc Thẻ được thực hiện giao dịch mà không cần chữ ký của Chủ thẻ.

o. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm với Techcombank về việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ phụ.

p. Chịu trách nhiệm giải quyết các mâu thuẫn với ĐVCNT về các vấn đề liên quan đến Giao dịch thẻ mà không trì hoãn việc thanh toán vào Ngày đến hạn thanh toán.

q. Sử dụng Thẻ trong HMTD được Techcombank cấp, trừ trường hợp Techcombank đồng ý cho Chủ thẻ sử dụng vượt hạn mức và Chủ thẻ phải có trách nhiệm trả phí theo quy định của Techcombank khi sử dụng Thẻ quá HMTD được cấp.

r. Thanh toán số tiền Giao dịch thẻ tranh chấp và các khoản phí phát sinh theo quy định của TCTQT khi tranh chấp được đưa ra Trọng tài Quốc tế và Trọng tài Quốc tế xử Chủ thẻ thua kiện.

s. Thông báo ngay cho Techcombank bằng văn bản những thay đổi về các thông tin đăng ký cung cấp tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho Khách hàng cá nhân hoặc các thông tin khác theo yêu cầu của Techcombank.

t. Tuân thủ các quy định, chính sách hiện hành của Techcombank liên quan đến việc cấp tín dụng và trong trường hợp các quy định, chính sách này có thay đổi, Chủ thẻ cam kết sẽ thực hiện theo đúng các quy định, chính sách đã được thay đổi đó đúng thời hạn theo thông báo của Techcombank.

u. Thực hiện tất toán toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng được cấp dựa trên khoản vay có TSBĐ (nếu có) trong trường hợp Chủ thẻ thực hiện tất toán khoản vay có TSBĐ và xuất kho TSBĐ cuối cùng của Chủ thẻ tại Techcombank.

v. Chủ thẻ đồng ý rằng các yêu cầu về tra soát khiếu nại với dịch vụ Thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm thực hiện yêu cầu (nếu có) bằng văn bản trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao dịch phát sinh hoặc kể từ ngày quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ bị vi phạm theo một trong các phương thức sau: (i) qua tổng đài điện thoại (có ghi âm, hoạt động 24/24 giờ trong ngày, 7/7 ngày trong tuần) hoặc bằng văn bản tại các điểm giao dịch của Techcombank. Trường hợp Chủ thẻ gửi yêu cầu tra soát, khiếu nại qua tổng đài điện thoại, Chủ thẻ có trách nhiệm bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu của Techcombank trong thời hạn 03 ngày làm việc để làm căn cứ chính thức xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Quá thời hạn trên, Techcombank vẫn tiếp tục hỗ trợ giải quyết tra soát khiếu nại nhưng kết quả tra soát khiếu nại sẽ phụ thuộc vào thiện chí của các đối tác khác có liên quan và Chủ thẻ sẽ phải chịu hoàn toàn thiệt hại phát sinh do khiếu nại chậm. Techcombank sẽ từ chối tiếp nhận các yêu cầu tra soát khiếu nại nếu trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch Chủ thẻ không gửi yêu cầu tra soát cho Techcombank.

w. Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều khoản, điều kiện này và các

quy định có liên quan của pháp luật.

9.2. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TECHCOMBANK

9.2.1. Quyền của Techcombank

Ngoài các quyền khác quy định tại Điều khoản, điều kiện này, Techcombank có các quyền sau:

a. Techcombank được miễn trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin... bị trục trặc, hoặc vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của Techcombank

b. Từ chối cấp phép các Giao dịch thẻ không hợp pháp, hợp lệ theo quy định của Techcombank và pháp luật hoặc trong các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của Techcombank.

c. Yêu cầu Chủ thẻ cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu cần thiết khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ.

d. Techcombank có quyền từ chối xử lý hoặc thanh toán Giao dịch thẻ trong các trường hợp sau:

(i) Sử dụng Thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ bị cấm theo quy định của Techcombank và pháp luật;

(ii) Thẻ đã được Chủ thẻ thông báo bị mất cắp, thất lạc;

(iii) Thẻ hết hạn sử dụng;

(iv) Thẻ bị khóa;

(v) Hạn mức tín dụng còn lại (nếu có) không đủ chi trả khoản thanh toán, rút tiền;

(vi) Chủ thẻ vi phạm các quy định tại Điều khoản, điều kiện này hoặc các thỏa thuận giữa Chủ thẻ với Techcombank mà theo đó Thẻ bị từ chối thanh toán;

(vii) Thẻ giả hoặc có liên quan đến giao dịch giả mạo;

(viii) Thẻ bị chấm dứt sử dụng theo quy định tại mục 8.4, Điều 8 của Điều khoản, điều kiện này.

e. Thu thập thông tin từ các tổ chức khác về Chủ thẻ.

f. Cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân được phép khác thông tin về Chủ thẻ, số PIN, Sao kê và các Giao dịch thẻ theo đúng quy định của pháp luật; cung cấp các thông tin Giao dịch thẻ của Chủ thẻ qua Tổng đài khi người yêu cầu cung cấp thông tin khai báo đúng thông tin Chủ thẻ đã đăng ký tại Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế dành cho Khách hàng cá nhân.

g. Được quyền chủ động tăng hoặc giảm HMTD và/hoặc thay đổi hạng Thẻ của Chủ thẻ theo quy định của Techcombank.

h. Được quyền khóa Thẻ/tính năng trên Thẻ khi nhận được thông báo Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc Ngân hàng có nghi ngờ Thẻ/thông tin Thẻ đang bị lợi dụng theo số điện thoại/địa chỉ email đã thỏa thuận tại Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này và các cuộc điện thoại từ Techcombank qua hotline: (84-24) 39446699/(84-24) 39449626/1800588822/1800588823.

i. Thu hồi Thẻ vào bất cứ lúc nào bằng cách thông báo về việc thu hồi này cho Chủ thẻ hoặc thông qua các TCTTT hoặc ĐVCNT trong các trường hợp Chủ thẻ vi phạm quy định của pháp luật, của Techcombank, của TCTQT hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Điều khoản, điều kiện này, hoặc các trường hợp nghi ngờ thẻ giả, lộ mạo. Trong trường hợp này, Techcombank được miễn trách đối với bất kỳ sự phung phí nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc thu hồi lại Thẻ.

j. Ghi nợ Tài khoản giá trị tất cả các Giao dịch thẻ, các khoản phí và lãi phát sinh liên quan việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ theo biểu phí được Techcombank quy định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận tại Điều khoản, điều kiện này.

k. Yêu cầu Chủ thẻ thanh toán các khoản Giao dịch thẻ và các khoản lãi, phí phát sinh liên quan đến việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ.

l. Techcombank không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ trường hợp nào Thẻ bị ĐVCNT từ chối. Đồng thời không chịu trách nhiệm về việc cung ứng hàng hoá, dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ và được quyền ghi nợ vào tài khoản giá trị các giao dịch đã thanh toán bằng Thẻ cho dù hàng hoá, dịch vụ có được giao, nhận hoặc được thực hiện hay không.

m. Được quyền yêu cầu Chủ thẻ sử dụng mọi tài sản và nguồn thu của cá nhân và gia đình Chủ thẻ; Yêu cầu bên nắm giữ tài sản của Chủ thẻ, gia đình Chủ thẻ, các thành viên Chủ thẻ chuyển giao cho Techcombank để thanh toán, hoàn

trả các khoản nợ gốc, lãi và phí, cho phí khác phát sinh của Chủ thẻ; Được quyền ghi âm lại tất cả những trao đổi của Chủ thẻ qua điện thoại và/hoặc bất kỳ các thông tin bằng lời nói giữa Chủ thẻ và Techcombank trong quá trình sử dụng Thẻ.

n. Được quyền sử dụng TSBĐ của các khoản vay khác của Chủ thẻ tại Techcombank để thu nợ cho khoản vay Thẻ tín dụng khi dư nợ thẻ tín dụng của Chủ thẻ chuyển thành nợ quá hạn.

o. Được quyền liên hệ với vợ/chồng/người tham chiếu của Chủ thẻ mà chủ thẻ đã điền trên Đơn đề nghị phát hành thẻ trong trường hợp cần thiết.

p. Trong trường hợp phát hành Thẻ tín dụng liên kết, Techcombank được quyền cung cấp thông tin của Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thông tin cá nhân, thông tin phát hành Thẻ, thông tin Giao dịch thẻ của Chủ thẻ, v.v...) cho Đối tác để phục vụ cho việc cung cấp giá trị gia tăng cho Chủ thẻ theo chương trình của Đối tác.

q. Được quyền sử dụng các thông tin mới nhất mà Chủ thẻ khai báo để cập nhật cho tất cả các dịch vụ đăng ký tại Techcombank.

r. Được quyền khóa tạm thời Thẻ tín dụng của Chủ thẻ cho đến khi Chủ thẻ nộp hồ sơ mở Thẻ theo đúng quy định của Techcombank trong từng thời kỳ trong trường hợp Chủ thẻ thực hiện tất toán khoản vay có TSBĐ và xuất kho TSBĐ cuối cùng tại Techcombank.

s. Đối với Thẻ tín dụng phát hành theo điện cho khách hàng cá nhân trả lương tại Techcombank, Techcombank có quyền khóa/tạm khóa Thẻ tín dụng của Chủ thẻ và thực hiện các biện pháp thu hồi nợ vay trong trường hợp đơn vị trả lương của Chủ thẻ có các dấu hiệu theo đánh giá của Techcombank có thể ảnh hưởng tới nguồn thu nhập và khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Chủ thẻ (chậm trả lương, lịch sử tín dụng không bảo đảm, ngừng chi lương qua Techcombank, sản xuất kinh doanh gặp khó khăn...)

t. Các quyền khác theo quy định của Điều khoản, điều kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

9.2.2. Trách nhiệm của Techcombank

Techcombank có các trách nhiệm sau:

a. Tuân thủ các quy định về Phát hành, Thanh toán Thẻ của pháp luật Việt Nam và TCTQT.

b. Bảo mật các thông tin liên quan đến Chủ thẻ theo quy định của pháp luật và chỉ cung cấp các thông tin này trong những trường hợp theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với Chủ thẻ.

c. Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật và các TCTQT.

d. Khóa Thẻ trong vòng 2 giờ làm việc kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản hoặc bằng cuộc gọi đến tổng đài Techcombank của Chủ thẻ về việc Thẻ bị thất lạc, mất cắp hoặc lộ PIN.

e. Techcombank sẽ chịu trách nhiệm về các giao dịch liên quan tới Thẻ đã được Chủ thẻ thông báo về việc mất cắp, thất lạc Thẻ sau 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Chủ thẻ.

f. Đối với tiền ký quỹ để tăng HMTD tạm thời, Techcombank sẽ giải tỏa tiền ký quỹ sau 40 ngày kể từ ngày HMTD tạm thời hết hạn và Chủ thẻ đã thanh toán hết các khoản Giao dịch thẻ và các khoản lãi, phí phát sinh liên quan đến HMTD được tăng.

g. Techcombank phải gửi thông báo cho Chủ thẻ hoặc thông báo trên website của Techcombank ít nhất trước 03 ngày khi thay đổi hoặc dừng cung cấp dịch vụ. Mọi thông tin được coi là Chủ thẻ đã nhận được trong thời gian 03 ngày từ khi được đăng tải trên website hoặc hình thức khác do Techcombank lựa chọn.

h. Gửi Sao kê cho Chủ thẻ phát hành Thẻ theo dự án trả lương qua điện thoại di động hoặc thư điện tử, cổng truy vấn sao kê điện tử.

i. Hoàn trả lại số tiền dương trên tài khoản Thẻ tín dụng của Chủ thẻ sau khi Chủ thẻ đã hoàn thành mọi nghĩa vụ trả nợ đối với Techcombank trong các trường hợp sau:

(i) Chủ thẻ gửi đề nghị yêu cầu ngân hàng hoàn trả lại số tiền dương trên tài khoản thẻ tín dụng;

(ii) Sau 3 tháng kể từ ngày khóa Thẻ vĩnh viễn, Techcombank sẽ thực hiện rà soát và hoàn trả lại số tiền dương trên tài khoản thẻ tín dụng cho Chủ thẻ.

j. Các trách nhiệm khác theo quy định của Điều khoản, điều kiện về phát hành

và sử dụng thẻ này và các quy định có liên quan của pháp luật.

9.3. CAM KẾT CỦA CHỦ THẺ

a. Cam kết không thực hiện các giao dịch trái với luật pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hoặc nước sở tại nơi Chủ thẻ sử dụng Thẻ để giao dịch.

b. Cam kết chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch bằng Thẻ đã thực hiện trước thời điểm Techcombank nhận được thông báo bằng văn bản về việc Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả mạo bởi bất kỳ người nào.

c. Đồng ý và cho phép Techcombank tìm kiếm thông tin liên quan đến Chủ thẻ từ bất kỳ bên thứ ba nào.

d. Đồng ý để Techcombank có quyền quyết định cung cấp thông tin giao dịch Thẻ cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động Thẻ (như dịch vụ in và gửi Sao kê hoặc các dịch vụ khác do Techcombank lựa chọn không trái quy định của pháp luật Việt Nam) hoặc bên thứ ba hợp tác với Techcombank trong việc mở rộng và gia tăng thêm giá trị sử dụng Thẻ cho Chủ thẻ hoặc cơ quan công an, Ngân hàng Nhà nước để điều tra về giao dịch theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

e. Đồng ý và cho phép Techcombank cung cấp thông tin liên quan đến Chủ thẻ và Hợp đồng này cho Bên thứ ba là các cá nhân, tổ chức có chức năng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động thu hồi nợ, mua bán nợ, xử lý nợ, kiểm toán, tư vấn, thông tin tín dụng mà không cần thông báo cho Chủ thẻ về việc này. Để làm rõ, Chủ thẻ đồng ý rằng Bên thứ ba tiếp nhận thông tin của Chủ thẻ và Hợp đồng này có chức năng thu hồi nợ, mua bán nợ, xử lý nợ được phép cung cấp thông tin này cho bất kỳ cá nhân, tổ chức để thực hiện hoạt động thu hồi nợ.

f. Đồng ý và cho phép Techcombank cung cấp thông tin liên quan đến Chủ thẻ và Hợp đồng này cho Bên thứ ba là các cá nhân, tổ chức có chức năng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động cung cấp, giới thiệu, hỗ trợ cho Chủ thẻ về các thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của Techcombank mà không cần thông báo cho Chủ thẻ về việc này.

g. Trong trường hợp phát hành Thẻ tín dụng liên kết, Chủ thẻ đồng ý cho Techcombank cung cấp thông tin của Chủ thẻ (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thông tin cá nhân, thông tin phát hành Thẻ, thông tin Giao dịch thẻ của Chủ thẻ, v.v...) cho Đối tác để phục vụ cho việc cung cấp giá trị gia tăng cho Chủ thẻ trong chương trình của Đối tác.

h. Chủ thẻ cam kết dùng thu nhập hàng tháng ưu tiên để hoàn trả số dư nợ Sao kê. Chủ thẻ ủy quyền cho Techcombank được toàn quyền trích tiền lương và các khoản thu nhập hàng tháng của Chủ thẻ từ tài khoản thanh toán của Chủ thẻ tại Techcombank hoặc trực tiếp liên hệ để nhận tiền từ đơn vị, cơ quan của Chủ thẻ làm việc để trả nợ. Chủ thẻ ủy quyền cho cơ quan/đơn vị hiện Chủ thẻ đang làm việc trích tiền lương, các khoản thu nhập hàng tháng và các khoản thu nhập khác (nếu có) để chi trả cho Techcombank. Việc ủy quyền này chỉ hết hiệu lực khi Chủ thẻ đã thanh toán tất cả các khoản nợ gốc, lãi phát sinh tại Techcombank.

i. Trong trường hợp không tiếp tục làm việc tại cơ quan hiện tại, Chủ thẻ cam kết thông báo cho Techcombank trước thời hạn 07 ngày kể từ ngày nghỉ việc.

j. Chủ thẻ công nhận, không hủy ngang và chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch được thực hiện theo đúng quy định của Techcombank về quy trình giao nhận bằng Thẻ qua Internet và/hoặc có sử dụng chữ ký, chữ ký điện tử của Chủ thẻ mà không được hủy, phủ nhận, từ chối, thay đổi, thoái thác giao dịch với bất kỳ lý do nào; cam kết chịu mọi rủi ro liên quan đến giao dịch đã được thực hiện.

k. Đối với các giao dịch thực hiện bằng phương tiện điện tử, Chủ thẻ nhận thức đầy đủ các rủi ro có thể gặp phải khi thực hiện giao dịch, cam kết các hoạt động diễn ra do chúng từ điện tử của mình lập khớp đúng quy định và chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra do vô tình hay cố ý để lộ chữ ký điện tử, dẫn đến bị kẻ gian lợi dụng.

l. Chủ thẻ cam kết chấp nhận từ bỏ quyền khiếu kiện khi giao dịch có thể bị gián đoạn, không thực hiện được do bị lỗi mạng, đường truyền, hệ thống, điện, hoặc các lỗi kỹ thuật khác của bên cung ứng dịch vụ hoặc của Techcombank, hoặc do có các sự cố xuất phát từ các nguyên nhân thời tiết, động đất, thiên tai...

m. Trường hợp Chủ thẻ thực hiện thanh toán bằng Thẻ qua Internet để thanh toán cho các nhà cung ứng dịch vụ (CUSDV), Chủ thẻ cam kết chịu trách nhiệm về việc thực hiện quy trình thanh toán theo thỏa thuận với Nhà CUSDV, chịu trách nhiệm đối với các giao dịch cung cấp không chính xác Mã dịch vụ, Mã thanh toán và các thông tin khác liên quan; tự giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc cung ứng dịch vụ của Nhà CUSDV về số tiền thanh toán, mã thanh toán, thời điểm thanh toán; chịu trách nhiệm về các giao dịch được gửi nhiều lần và các vấn đề khác giữa Chủ thẻ và Nhà CUSDV trong mọi thời điểm, kể cả trước, trong và sau khi Techcombank đã chuyển tiền đến tài khoản của Nhà CUSDV.

n. Với các giao dịch thẻ là giao dịch MOTO và các giao dịch khác như giao dịch trên internet... Chủ thẻ đồng ý rằng, Chủ thẻ có thể phải đăng ký với Techcombank để thực hiện các giao dịch này hoặc các giao dịch này có thể được thực hiện ngay sau khi Chủ thẻ đồng ý Thẻ được kích hoạt, tùy theo quy định của Techcombank từng thời kỳ. Chủ thẻ cam kết nhận thức rõ rủi ro và đồng ý nếu Techcombank mở tính năng này mà không cần Chủ thẻ đăng ký

o. Chủ thẻ cam kết chỉ sử dụng Thẻ theo đúng quy trình thanh toán bằng Thẻ qua Internet do Techcombank quy định và sử dụng Thẻ trong phạm vi số dư được phép sử dụng và trong hạn mức thanh toán theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.

p. Nếu đăng ký phát hành Thẻ tín dụng liên kết, Chủ thẻ đồng ý với mọi quy định của Techcombank về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng liên kết.

q. Trong trường hợp chủ thẻ có yêu cầu trợ giúp tới Techcombank (ví dụ: điều chỉnh hạn mức sử dụng thẻ, khóa thẻ tạm thời, v.v...) thông qua các hình thức bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc Chủ thẻ thực hiện gọi điện thoại đến Techcombank (chỉ áp dụng đối với các trường hợp trợ giúp qua điện thoại theo quy định nội bộ của Techcombank trong từng thời kỳ), Chủ thẻ trực tiếp đến Chi nhánh/Phòng giao dịch của Techcombank, Chủ thẻ trực tiếp đăng ký qua F@st i-bank/F@stMobile, v.v... Chủ thẻ phải chịu mọi trách nhiệm đối với các dịch vụ Chủ thẻ yêu cầu Techcombank thay đổi.

10. QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN BẢO HIỂM ĐỐI VỚI THẺ TÍN DỤNG ĐƯỢC BẢO HIỂM

10.1. CAM KẾT CỦA CHỦ THẺ CHÍNH THẺ TÍN DỤNG ĐƯỢC BẢO HIỂM :

a. Đồng ý để Techcombank, các bác sỹ, tổ chức y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác cung cấp cho Công ty bảo hiểm và các công ty tái bảo hiểm các thông tin liên quan đến việc thực hiện phần Hợp đồng bảo hiểm được giao kết trên cơ sở Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng sử dụng thẻ.

b. Sau khi mở Thẻ thành công, tùy từng loại Thẻ, Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm sẽ trở thành Người được bảo hiểm theo loại hình sản phẩm bảo hiểm do Techcombank mua từng thời kỳ.

c. Trong trường hợp phát sinh rủi ro thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Công ty bảo hiểm, Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm đồng ý để Techcombank trở thành Người thụ hưởng/Người nhận quyền lợi bảo hiểm. Techcombank sẽ sử dụng Quyền lợi bảo hiểm này để thanh toán các khoản nợ mà Chủ thẻ chưa thanh toán cho Techcombank (nếu có).

10.2. CHỈ ĐỊNH NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Techcombank và Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm cùng thống nhất chỉ định Techcombank sẽ là người thụ hưởng đầu tiên trong trường hợp sự kiện bảo hiểm xảy ra đối với Chủ thẻ chính thuộc phạm vi bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm, và sẽ không khiếu kiện Công ty bảo hiểm sau khi các quyền lợi bảo hiểm được Công ty bảo hiểm chi trả cho Techcombank. Theo đó, Công ty bảo hiểm sẽ thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho Techcombank và Techcombank được quyền sử dụng quyền lợi bảo hiểm này để thanh toán các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm chưa trả cho Techcombank (nếu có). Sau khi đối trừ các khoản nợ, nếu quyền lợi bảo hiểm không đủ so với các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm phải trả cho Techcombank, trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc trả nợ đầy đủ, đúng hạn và thanh toán các khoản phí, lãi phát sinh (nếu có) được thực hiện theo quy định của Techcombank và pháp luật; nếu quyền lợi bảo hiểm nhiều hơn so với các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm phải trả cho Techcombank, Techcombank có trách nhiệm hoàn trả

quyền lợi bảo hiểm còn lại theo quy định của Techcombank và pháp luật.

10.3. ỦY QUYỀN NHẬN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Trong trường hợp Công ty bảo hiểm giải quyết quyền lợi bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra, Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm đồng ý ủy quyền cho Techcombank nhận toàn bộ quyền lợi bảo hiểm này thay cho Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm với các thỏa thuận sau:

a. Ủy quyền này có hiệu lực trong thời hạn sử dụng thẻ tín dụng và trong suốt thời gian có hiệu lực của phần Hợp đồng bảo hiểm liên quan đến từng Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm;

b. Ủy quyền này không được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, chấm dứt trong suốt thời gian có hiệu lực của phần Hợp đồng bảo hiểm liên quan đến từng Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm.

c. Techcombank được quyền sử dụng Quyền lợi bảo hiểm này để thanh toán các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm chưa trả cho Techcombank (nếu có). Sau khi đối trừ các khoản nợ, nếu quyền lợi bảo hiểm không đủ so với các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm phải trả cho Techcombank, Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm có trách nhiệm tiếp tục thực hiện việc trả nợ đầy đủ, đúng hạn và thanh toán các khoản phí, lãi phát sinh (nếu có); nếu quyền lợi bảo hiểm nhiều hơn so với các khoản nợ mà Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm phải trả cho Techcombank, Techcombank có trách nhiệm hoàn trả cho Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm số tiền còn lại theo quy định của Techcombank và pháp luật.

d. Để đối trừ các khoản nợ chưa trả của Chủ thẻ chính thẻ tín dụng, Techcombank được quyền tạm khóa/phong tỏa tài khoản của Chủ thẻ chính trong trường hợp cần thiết.

10.4. GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

a. Trường hợp nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra và thuộc phạm vi bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm cấp cho Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm, Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải thông báo cho Techcombank hoặc Công ty bảo hiểm, trong vòng 30 ngày kể từ khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Techcombank và Công ty bảo hiểm có trách nhiệm phối hợp để giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho Người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo thỏa thuận giữa Techcombank và Công ty bảo hiểm.

b. Techcombank và Công ty bảo hiểm có trách nhiệm độc lập với Chủ thẻ chính thẻ tín dụng được bảo hiểm trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Techcombank không có trách nhiệm trong việc trả lời/giải quyết khiếu kiện từ Chủ thẻ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm của Công ty bảo hiểm.

11. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

11.1. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

a. Nếu Chủ thẻ sử dụng Thẻ để đặt trước các dịch vụ nhưng không sử dụng dịch vụ đó và không thông báo hủy dịch vụ trong thời hạn quy định của ĐVCNT, Chủ thẻ có thể phải thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị dịch vụ, các loại thuế và phí liên quan theo quy định của từng ĐVCNT. Techcombank có quyền ghi nợ Tài khoản của Chủ thẻ đối với các trường hợp này.

b. Nếu Techcombank xét thấy Chủ thẻ vẫn đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành Thẻ tín dụng theo quy định của Techcombank, Techcombank có thể xem xét thực hiện các thủ tục phát hành lại thẻ tín dụng thay thế thẻ tín dụng hết hạn cho Chủ thẻ phù hợp với điều kiện, quy định của Techcombank trong từng thời kỳ sau các trường hợp sau đây:

(i) Trong vòng 60 ngày trước ngày hết hạn Thẻ, Techcombank không nhận được bất kỳ thông báo nào về việc ngừng sử dụng Thẻ từ Chủ thẻ; hoặc

(ii) Trong vòng 90 ngày sau ngày hết hạn thẻ, Techcombank nhận được thông báo về việc đề nghị phát hành lại thẻ tín dụng thay thế thẻ tín dụng hết hạn từ Chủ thẻ.

c. Trong trường hợp Techcombank xét thấy việc phát hành lại thẻ tín dụng thay thế thẻ tín dụng hết hạn đã đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b nêu trên, Chủ thẻ sẽ mặc nhiên chấp nhận Đề nghị phát hành thẻ tín dụng mà chủ thẻ đã ký kết trước đó cùng Điều khoản, điều kiện đính kèm này sẽ tự động được gia hạn hiệu lực theo thời hạn hiệu lực mới của Thẻ tín dụng thay thế. Bất cứ yêu cầu nào khác của Chủ thẻ liên quan đến việc phát hành lại và sử dụng Thẻ phải được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng hình thức được pháp

luật cho phép hoặc do hai bên thỏa thuận. Techcombank sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh do việc thực hiện theo các yêu cầu của Chủ thẻ không thực hiện thông qua các hình thức này.

d. Trừ khi Techcombank có văn bản khước từ quyền hạn, quyền lực hay biện pháp của mình, mọi sự thất bại hay chậm trễ trong việc thực thi bất kỳ quyền hạn, quyền lực hay biện pháp nào của Techcombank sẽ không coi như là sự khước từ toàn bộ hay khước từ một phần các quyền hạn, quyền lực hay biện pháp đó.

e. Chi phí gia tăng: Khi phát sinh sự kiện làm tăng chi phí Techcombank, Techcombank sẽ tính toán và thông báo cho Chủ thẻ số chi phí tăng thêm mà Chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo, Chủ thẻ có nghĩa vụ bồi hoàn cho Techcombank số tiền chi phí tăng thêm được quy định trong Thông báo. Trường hợp Chủ thẻ chậm trả Số tiền Chi Phí Tăng Thêm này, Chủ thẻ sẽ phải trả lãi trên số tiền chậm trả này theo mức Lãi phạt chậm trả, cách tính lãi được quy định tại Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này.

11.2. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NỘI DUNG

a. Techcombank có quyền sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Chủ thẻ hoặc thông báo trên website của Techcombank. Các sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực kể từ ngày được ghi rõ trong thông báo hoặc từ ngày Techcombank gửi thông báo (nếu không ghi rõ ngày hiệu lực trên thông báo).

b. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày Techcombank thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều khoản, điều kiện này, nếu Chủ thẻ không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung do Techcombank đưa ra, Chủ thẻ có trách nhiệm thông báo với Techcombank để thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ này.

c. Nếu Chủ thẻ tiếp tục sử dụng Thẻ sau thời hạn 5 ngày kể từ ngày Techcombank thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều khoản, điều kiện được hiểu là Chủ thẻ chấp nhận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung đó.

11.3. LUẬT ĐIỀU CHỈNH, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

a. Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này được điều chỉnh bởi luật pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định về phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ quốc tế.

b. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc liên quan đến việc giải thích từ ngữ cũng như việc thực hiện Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ này giữa Chủ thẻ và Techcombank, trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Trong trường hợp hoà giải không thành, các bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền ở Việt Nam để giải quyết.

11.4. THỜI HẠN HIỆU LỰC VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

a. Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này có hiệu lực áp dụng đối với Chủ thẻ kể từ ngày Thẻ của Chủ thẻ được Techcombank kích hoạt cho đến khi Chủ thẻ hoàn thành mọi nghĩa vụ thanh toán theo Đề nghị kèm Hợp đồng phát hành thẻ hoặc trong vòng 90 ngày sau ngày hết hạn thẻ mà Techcombank không nhận được thông báo của Chủ thẻ về việc đề nghị phát hành lại thẻ thay thế, tùy trường hợp nào xảy ra sau.

b. Những tài liệu kèm theo Điều khoản, điều kiện này hoặc để thực hiện Điều khoản, điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ này (Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Thư xác nhận của đơn vị công tác, Hợp đồng bảo đảm, Sao kê, Biểu phí phát hành và sử dụng Thẻ, Đơn đề nghị tăng/giảm Hạn mức tín dụng, Điều khoản và điều kiện về mở tài khoản và sử dụng dịch vụ tài khoản tại Techcombank...) là một bộ phận không thể tách rời của Điều khoản, điều kiện này và toàn bộ các tài liệu này cấu thành Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

c. Chủ thẻ xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với Điều khoản, điều kiện này, Điều khoản và điều kiện về mở tài khoản và sử dụng dịch vụ tài khoản tại Techcombank, đã được Techcombank giải thích chính xác, đầy đủ về các nội dung trước khi ký. Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được lập bằng tiếng Việt. Nếu có bên nước ngoài tham gia, các bên thống nhất sử dụng bản tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt. Trong trường hợp có mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt có giá trị sử dụng.

d. Chủ thẻ có thể tham khảo nội dung của Điều khoản, điều kiện này tại website của Techcombank.

